

Bản án số: **61/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 8 - 2024

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Trang

Ông Nguyễn Quốc Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28/6/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chúc Thị P (tên gọi khác: Chúc Thị Ph), sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Bàn Kim Ph, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Chúc Thị P và bị đơn anh Bàn Kim Ph đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Chúc Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Kim Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2003, đến ngày 30/01/2007 mới đến UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng chị về chung sống tại thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khi chị sinh con gái thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Ph có tư tưởng trọng nam khinh nữ nên yêu cầu chị

phải đẻ thêm để có con trai nhưng chị không đồng ý vì nghĩ con nào cũng là con dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Sau đó anh Ph lấy lý do chị không sinh được con trai nên có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì hạnh phúc gia đình nên chị bắt buộc phải sinh thêm con thứ ba nhưng vẫn là con gái nên anh Ph ngày càng trở nên rượu chè bê tha sau đó về nhà chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt thêm. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên chị đã bỏ đi làm thuê tại tỉnh Vĩnh Phúc và sống ly thân với anh Bàn Kim Ph từ tháng 11/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Bàn Kim Ph đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Kim Ph, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Bàn Kim Ph có 03 con chung là cháu Chúc Thị Bích L, sinh ngày 23/01/2004; cháu Chúc Thị Ngọc T, sinh ngày 05/7/2006 và cháu Chúc Thị Thanh Th, sinh ngày 23/02/2015. Hiện tại cháu Chúc Thị Bích L và cháu Chúc Thị Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Chúc Thị Thanh Th chưa đủ tuổi trưởng thành nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Bàn Kim Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu Chúc Thị Thanh Th cùng chị.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai và trong Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bàn Kim Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chúc Thị P được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối gì. Chung sống một thời gian hai bên mới đến UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang để thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2007. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên anh và chị Chúc Thị P đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị Chúc Thị P đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí

ly hôn với chị Chúc Thị Phin để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Chúc Thị P có 03 con chung là cháu Chúc Thị Bích L, sinh ngày 23/01/2004; cháu Chúc Thị Ngọc T, sinh ngày 05/7/2006 và cháu Chúc Thị Thanh Th, sinh ngày 23/02/2015. Hiện tại cháu Chúc Thị Bích L và cháu Chúc Thị Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Chúc Thị Thanh Th, khi vợ chồng anh ly hôn nếu cháu có nguyện vọng ở với ai thì anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu Chúc Thị Thanh Th có nguyện vọng ở cùng anh thì anh cũng nhất trí nuôi dưỡng cháu Thúy đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Chúc Thị P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Chúc Thị Thanh Th.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chúc Thị P thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bàn Kim Ph chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chúc Thị P (Chúc Thị Ph):

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chúc Thị P (Chúc Thị Ph) được ly hôn với anh Bàn Kim Ph.

+ Về con chung: Giao cháu Chúc Thị Thanh Th, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Chúc Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Kim Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với các con chung là Chúc Thị Bích L, sinh ngày 23/01/2004 và Chúc Thị Ngọc T, sinh ngày 05/7/2006 đến thời điểm xét xử đã đủ tuổi trưởng

thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Chúc Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bàn Kim Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Chúc Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Bàn Kim Ph, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bàn Kim Ph có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Chúc Thị P và bị đơn anh Bàn Kim Ph đều có Đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chúc Thị P thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bàn Kim Ph chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Chúc Thị P (tên gọi khác: Chúc Thị Ph) và anh Bàn Kim Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 30/01/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tính không hợp nhau, vợ chồng không có sự

bàn bạc, thống nhất trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 11/2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Cả chị Chúc Thị P và anh Bàn Kim Ph đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể quay về đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Chúc Thị P và anh Bàn Kim Ph đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Chúc Thị P được ly hôn với anh Bàn Kim Ph là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Chúc Thị Bích L, sinh ngày 23/01/2004; cháu Chúc Thị Ngọc T, sinh ngày 05/7/2006 và cháu Chúc Thị Thanh Th, sinh ngày 23/02/2015. Đối với các con chung là Chúc Thị Bích L và Chúc Thị Ngọc T tại thời điểm xét xử đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung là cháu Chúc Thị Thanh Th, chưa đủ tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chúc Thị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chúc Thị Thanh Th và không yêu cầu anh Bàn Kim Ph phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án tiến hành lấy lời khai, cháu Chúc Thị Thanh Th thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là chị Chúc Thị P. Trong Biên bản lấy lời khai và Đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Bàn Kim Ph trình bày khi vợ chồng ly hôn nếu cháu Th có nguyện vọng sống cùng bố hoặc mẹ thì sẽ tôn trọng ý kiến của con. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và theo nguyện vọng của con, cần giao cháu Chúc Thị Thanh Th cho chị Chúc Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Kim Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Chúc Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bàn Kim Ph không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chúc Thị P (Chúc Thị Ph).

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chúc Thị P (Chúc Thị Ph) được ly hôn với anh Bàn Kim Ph (*Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 30/01/2007 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Chúc Thị Thanh Th, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Chúc Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Kim Ph không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với các con chung là Chúc Thị Bích L, sinh ngày 23/01/2004 và Chúc Thị Ngọc T, sinh ngày 05/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Chúc Thị P. Bị đơn anh Bàn Kim Ph không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Chúc Thị P và bị đơn anh Bàn Kim Ph được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Đà Vị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San